

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 38



## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/5/2022 về việc thay đổi Tổng Giám đốc và bổ sung người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: HAI MINH CORPORATION. Tên Công ty viết tắt: HAMI CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302525162 thay đổi lần thứ 15 ngày 12/5/2022 là 131.998.470.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi một tỉ, chín trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: HMH.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch
Ông Trần Đức Trung	Thành viên
Ông Trần Đoàn Viện	Thành viên
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên
Ông Vũ Đức Tuấn	Thành viên

##### **BAN KIỂM SOÁT**

Ông Khuu Hoàng Nam	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Thành viên

##### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Đặng Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đoàn Viện	Phó Tổng Giám đốc

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đặng Ngọc Hùng**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2023

Số: 153/2023/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Hải Minh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh được lập ngày 26/8/2023, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đến Thuyết minh số 7.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đề cập đến thông tin vụ kiện của Công ty Cổ phần Hải Minh đối với bị đơn là Ông Trần Minh Thắng.

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề nêu trên.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán và kiểm toán viên khác với kết luận chấp nhận toàn phần vào ngày 26/8/2022.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty cũng đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán và kiểm toán viên khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ vào ngày 22/3/2023 về việc kiểm toán viên tiền nhiệm chưa có đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi của khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh với giá gốc là 3.000.000.000 VND, được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh (“Công ty con”). Do việc Công ty con không trích lập dự phòng vào khoản đầu tư trái phiếu nêu trên, kiểm toán viên tiền nhiệm không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng bổ sung cho khoản đầu tư vào Công ty con hay không, cũng như số dự phòng phải trích lập nêu có. Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023, Công ty con đã đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng đối với khoản phải thu từ việc đầu tư trái phiếu vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh, đồng thời, Công ty đã trích lập dự phòng bổ sung đối với khoản đầu tư vào Công ty con. Do vậy, vấn đề nêu trên không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>15.366.510.421</b>	<b>41.483.942.097</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>4.145.488.528</b>	<b>5.771.802.970</b>
1. Tiền	111		4.145.488.528	5.771.802.970
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.243.074.910</b>	<b>29.440.630.034</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.814.085.579	2.022.898.480
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	11.474.850	27.557.419.576
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.872.946.018	315.743.515
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(455.431.537)	(455.431.537)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>116.199.933</b>	<b>137.933.887</b>
1. Hàng tồn kho	141		116.199.933	137.933.887
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.861.747.050</b>	<b>2.133.575.206</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	225.381.613	220.821.382
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.138.643.719	1.415.032.106
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	497.721.718	497.721.718
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>201.150.106.614</b>	<b>176.800.081.841</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	5.000.000	5.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.499.993.635</b>	<b>20.420.227.764</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	18.005.909.354	19.919.151.725
- Nguyên giá	222		33.092.022.957	35.057.774.235
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.086.113.603)	(15.138.622.510)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	494.084.281	501.076.039
- Nguyên giá	228		601.291.237	601.291.237
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(107.206.956)	(100.215.198)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.11</b>	<b>27.557.419.576</b>	-
1. Nguyên giá	231		27.557.419.576	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>194.363.636</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	-	194.363.636
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>154.105.836.810</b>	<b>155.746.472.121</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.2	132.051.490.000	132.051.490.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	27.300.000.000	27.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(5.245.653.190)	(3.305.017.879)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>981.856.593</b>	<b>434.018.320</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	981.856.593	434.018.320
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>216.516.617.035</b>	<b>218.284.023.938</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>16.486.343.641</b>	<b>19.174.725.243</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.058.215.641</b>	<b>18.839.597.243</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	2.746.467.065	4.417.066.388
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.444.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	130.417.441	124.592.712
4. Phải trả người lao động	314		370.612.290	543.333.369
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	427.088.890	99.080.859
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	1.477.738.020	1.537.679.886
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	10.000.000.000	11.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		905.891.935	1.116.400.029
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>428.128.000</b>	<b>335.128.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	428.128.000	335.128.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>200.030.273.394</b>	<b>199.109.298.695</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>200.030.273.394</b>	<b>199.109.298.695</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.998.470.000	131.998.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Cổ phiếu quỹ	415		(4.394.588.700)	(4.394.588.700)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.614.442.869	6.614.442.869
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.917.964.954	58.996.990.255
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		58.702.699.162	53.276.366.684
- LNST chưa phân phối kỳ nay	421b		1.215.265.792	5.720.623.571
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>216.516.617.035</b>	<b>218.284.023.938</b>

Người lập biểu



Đào Thế Hưng

Kế toán trưởng



Đào Thế Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc




Đặng Ngọc Hùng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	8.307.287.952	15.379.444.635
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	<b>10</b>		<b>8.307.287.952</b>	<b>15.379.444.635</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	6.605.863.785	10.968.851.029
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>1.701.424.167</b>	<b>4.410.593.606</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.547.759.234	2.944.226.208
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.414.561.946	2.454.643.988
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		428.000.000	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.396.586.760	1.673.433.197
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>1.438.034.695</b>	<b>3.226.742.629</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	51.725.915	13.222.103
12. Chi phí khác	32	6.6	274.494.818	74.923.483
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>(222.768.903)</b>	<b>(61.701.380)</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>1.215.265.792</b>	<b>3.165.041.249</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	699.228.077
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>1.215.265.792</b>	<b>2.465.813.172</b>

Người lập biểu

Đào Thế Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2023

Kế toán trưởng

Đào Thế Hưng

Tổng Giám đốc



Đặng Ngọc Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.215.265.792	3.165.041.249
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		940.960.044	1.339.587.515
- Các khoản dự phòng	03		1.940.635.311	2.253.589.135
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.219.651	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.485.665.557)	(1.462.161.081)
- Chi phí lãi vay	06		428.000.000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.041.415.241	5.296.056.818
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(57.076.065)	7.742.864.796
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		21.733.954	409.632.589
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.541.336.596)	(580.343.737)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(552.398.504)	343.363.910
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	5.180.959.840
- Tiền lãi vay đã trả	14		(34.008.333)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(618.641.832)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(616.458.500)	(1.820.465.529)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(1.738.128.803)</b>	<b>15.953.426.855</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.031.000.000	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		107.539.642	3.971.479.916
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>1.138.539.642</b>	<b>3.971.479.916</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.000.000.000)	(271.279.833)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.505.630)	(50.279.315.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(1.024.505.630)</b>	<b>(50.550.594.933)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50		<b>(1.624.094.791)</b>	<b>(30.625.688.162)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	5.1	<b>5.771.802.970</b>	<b>61.642.966.364</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.219.651)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	5.1	<b>4.145.488.528</b>	<b>31.017.278.202</b>

Người lập biểu

Đào Thế Hưng

Kế toán trưởng

Đào Thế Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Đặng Ngọc Hùng

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hải Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/5/2022 về việc thay đổi Tổng Giám đốc và bổ sung người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: HAI MINH CORPORATION. Tên Công ty viết tắt: HAMI CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302525162 thay đổi lần thứ 15 ngày 12/5/2022 là 131.998.470.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi một tỉ, chín trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: HMH.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 33 người (tại ngày 31/12/2022 là 36 người).

#### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển (không kèm người điều khiển); cho thuê tàu và thiết bị hàng hải;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Kinh doanh bất động sản cho thuê, vận tải hàng hóa, các dịch vụ hỗ trợ vận tải, đại lý hãng tàu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

### 1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2023, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Các Công ty con</b>						
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	96,79%	96,79%	96,79%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	99,92%	99,92%	99,92%
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	99,00%	99,00%	99,00%
<b>Các Công ty liên kết</b>						
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Lô KB3-02, khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa	26,00%	26,00%	26,00%

### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### 1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

### **2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

#### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

#### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

#### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con, Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

##### ***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

#### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	43
Máy móc, thiết bị	5
Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04
Tài sản cố định khác	10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

#### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất là văn phòng của Công ty tại Tòa nhà Pearl Plaza tại địa chỉ 561A Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đất đến năm 2058.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong vòng 43 năm.

#### **Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

#### **Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### **Chi phí sửa chữa tài sản**

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản lớn được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 36 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)****Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ**

Các chi phí liên quan đến hoạt động cho thuê căn hộ bao gồm chi phí môi giới căn hộ và chi phí thi công lại nội thất căn hộ cho thuê được ghi nhận theo giá gốc. Định kỳ, các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 đến 24 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay từ các bên liên quan.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ liên quan đến vận tải và kho bãi; doanh thu cho thuê hoạt động.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ và cho thuê hoạt động là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	76.077.449	97.003.803
Tiền gửi ngân hàng	4.069.411.079	5.674.799.167
<b>Tổng</b>	<b>4.145.488.528</b>	<b>5.771.802.970</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn từ 12 tháng, lãi suất áp dụng từ 6,8%/năm. Đồng thời, tiền gửi có kỳ hạn với tổng số dư là 4.000.000.000 VND đã được cầm cố, thế chấp tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần để phát hành bảo lãnh thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2023 (VND)				01/01/2023 (VND)					
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc hợp lý	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc hợp lý	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			132.051.490.000	(5.245.653.190)			132.051.490.000	(3.305.017.879)		
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	96,79%	96,79%	44.510.290.000	(85.029.243)		96,79%	44.510.290.000	(1.236.268.369)		
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	99,92%	99,92%	45.961.200.000	(5.160.623.947)		99,92%	45.961.200.000	(2.068.749.510)		
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	99,00%	99,00%	41.580.000.000	-		99,00%	41.580.000.000	-		
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>			27.300.000.000	-			27.000.000.000	-		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh (ii)	26,00%	26,00%	27.300.000.000	-		30,00%	27.000.000.000	-		
<b>Tổng</b>			<b>159.351.490.000</b>	<b>(5.245.653.190)</b>			<b>159.051.490.000</b>	<b>(3.305.017.879)</b>		

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 30/6/2023 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Công ty mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2023/QĐ-HĐQT ngày 21/3/2023 với số cổ phần đã mua là 30.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty sau khi mua cổ phần là 26%.

Các giao dịch và số dư trọng yếu của Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 7.4.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Giấy Lee&Man Việt Nam	323.726.700	1.136.662.750
Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu	228.300.000	108.196.364
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dịch vụ Kho bãi và Vận tải Thịnh Phát	21.224.815	21.224.815
Silkargo Logistics (Singapore) Pte Ltd	222.340.110	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Phước Tạo	572.300.000	43.298.181
Phải thu các đối tượng khác	446.193.954	713.516.370
<b>Tổng</b>	<b>1.814.085.579</b>	<b>2.022.898.480</b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 (Trình bày lại) VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh	-	20.009.363.617
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa ốc (i)	-	7.548.055.959
Các đối tượng khác	11.474.850	-
<b>Tổng</b>	<b>11.474.850</b>	<b>27.557.419.576</b>

(i) Khoản trả trước liên quan đến chi phí môi giới mua các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

**5.5 Phải thu khác**

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.872.946.018</b>	<b>(22.710.762)</b>	<b>315.743.515</b>	<b>(22.710.762)</b>
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	3.326.400.000	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	25.749.942	-	110.705.342	-
Phải thu khác (i)	520.796.076	(22.710.762)	205.038.173	(22.710.762)
<b>Dài hạn</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>3.877.946.018</b>	<b>(22.710.762)</b>	<b>320.743.515</b>	<b>(22.710.762)</b>

Trong đó

*Phải thu ngắn hạn khác  
là các bên liên quan*

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)

(i) Phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản phải thu từ việc chi hộ cho các khách hàng của Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**5.6 Nợ xấu**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Đầu tư Thương mại An Phát - phải thu cung cấp dịch vụ	137.731.560	-	137.731.560	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hưng Lộc Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ	100.000.000	-	100.000.000	-
Các tổ chức khác - phải thu cung cấp dịch vụ	194.989.215	-	194.989.215	-
Các tổ chức khác - phải thu khoản chi hộ	22.710.762	-	22.710.762	-
<b>Tổng</b>	<b>455.431.537</b>	<b>-</b>	<b>455.431.537</b>	<b>-</b>

Chi tiết thời gian quá hạn của các khoản công nợ như sau:

	Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm VND	Quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm VND	Quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm VND	Quá hạn trên 3 năm VND
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Đầu tư Thương mại An Phát - phải thu cung cấp dịch vụ	-	137.731.560	-	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hưng Lộc Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ	-	-	100.000.000	-
Các tổ chức khác - phải thu cung cấp dịch vụ	-	194.989.215	-	-
Các tổ chức khác - phải thu khoản chi hộ	-	22.710.762	-	-
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>355.431.537</b>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	116.199.933	-	137.933.887	-
<b>Tổng</b>	<b>116.199.933</b>	<b>-</b>	<b>137.933.887</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**5.8 Chi phí trả trước**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>225.381.613</b>	<b>220.821.382</b>
Công cụ, dụng cụ	1.941.670	8.600.003
Chi phí bảo hiểm	54.991.296	126.588.383
Chi phí sửa chữa	24.309.221	9.715.652
Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ	26.812.500	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	117.326.926	75.917.344
<b>Dài hạn</b>	<b>981.856.593</b>	<b>434.018.320</b>
Chi phí sửa chữa tài sản	774.348.133	298.596.309
Công cụ, dụng cụ	33.553.848	21.818.182
Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ	159.876.482	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	14.078.130	113.603.829
<b>Tổng</b>	<b>1.207.238.206</b>	<b>654.839.702</b>

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2023	14.505.410.057	20.379.949.105	172.415.073	35.057.774.235
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	(1.965.751.278)	-	(1.965.751.278)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.965.751.278)	-	(1.965.751.278)
Số dư tại ngày 30/6/2023	14.505.410.057	18.414.197.827	172.415.073	33.092.022.957
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.417.568.274	12.548.639.163	172.415.073	15.138.622.510
Tăng trong kỳ	168.667.554	765.300.732	-	933.968.286
Khấu hao trong kỳ	168.667.554	765.300.732	-	933.968.286
Giảm trong kỳ	-	(986.477.193)	-	(986.477.193)
Thanh lý, nhượng bán	-	(986.477.193)	-	(986.477.193)
Số dư tại ngày 30/6/2023	2.586.235.828	12.327.462.702	172.415.073	15.086.113.603
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2023	12.087.841.783	7.831.309.942	-	19.919.151.725
Tại ngày 30/6/2023	11.919.174.229	6.086.735.125	-	18.005.909.354

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 1.356.324.164 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2023	601.291.237	601.291.237
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	<u>601.291.237</u>	<u>601.291.237</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2023	100.215.198	100.215.198
Tăng trong kỳ	6.991.758	6.991.758
Khấu hao trong kỳ	6.991.758	6.991.758
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	<u>107.206.956</u>	<u>107.206.956</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2023	<u>501.076.039</u>	<u>501.076.039</u>
Tại ngày 30/6/2023	<u>494.084.281</u>	<u>494.084.281</u>

Quyền sử dụng đất là văn phòng của Công ty tại Tòa nhà Pearl Plaza tại địa chỉ 561A Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đất đến năm 2058.

**5.11 Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>a. Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	-	27.557.419.576	-	27.557.419.576
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	27.557.419.576	-	27.557.419.576
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	-	27.557.419.576	-	27.557.419.576
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	27.557.419.576	-	27.557.419.576

Bất động sản đầu tư của Công ty là các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 55.000.001 VND và 12.960.043 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nêu trên tại ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Mua căn hộ chung cư tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	194.363.636
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>194.363.636</b>

**5.13 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn	1.083.798.579	1.083.798.579	3.166.373.246	3.166.373.246
Samudera Shipping Line Ltd.	937.277.999	937.277.999	293.378.097	293.378.097
Phải trả cho các đối tượng khác	725.390.487	725.390.487	957.315.045	957.315.045
<b>Tổng</b>	<b>2.746.467.065</b>	<b>2.746.467.065</b>	<b>4.417.066.388</b>	<b>4.417.066.388</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/06/2023
<b>Phải nộp</b>	<b>124.592.712</b>	<b>647.850.247</b>	<b>642.025.518</b>	<b>130.417.441</b>
Thuế thu nhập cá nhân	54.901.153	88.998.013	125.888.931	18.010.235
Các khoản thuế nhà thầu nước ngoài	69.691.559	558.852.234	516.136.587	112.407.206
<b>Phải thu</b>	<b>497.721.718</b>	-	-	<b>497.721.718</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	497.721.718	-	-	497.721.718



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**5.15 Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2023</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>427.088.890</b>	<b>99.080.859</b>
Trích trước chi phí lãi vay	410.888.890	16.897.223
Các khoản khác	16.200.000	82.183.636
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>427.088.890</b>	<b>99.080.859</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>410.888.890</b>	<b>16.897.223</b>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>		

**5.16 Phải trả khác**

	<b>30/6/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.477.738.020</b>	<b>1.537.679.886</b>
Kinh phí công đoàn	-	100.000
Bảo hiểm xã hội	-	2.004.200
Cổ tức phải trả	-	24.505.630
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh - phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	9.000.000	222.497.800
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát - phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	93.000.000	439.310.750
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh - phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	210.500.000	177.000.000
Phải trả, phải nộp khác	1.165.238.020	672.261.506
<b>Dài hạn</b>	<b>428.128.000</b>	<b>335.128.000</b>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn (i)	428.128.000	335.128.000
<b>Tổng</b>	<b>1.905.866.020</b>	<b>1.872.807.886</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>312.500.000</b>	<b>838.808.550</b>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>		

(i) Khoản nhận ký cược liên quan đến việc cho thuê văn phòng và cho thuê căn hộ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2023 (VND)		Biến động trong kỳ (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh (i)	5.500.000.000	5.500.000.000	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh (ii)	4.500.000.000	4.500.000.000	-	1.000.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>

Trong đó:

**Vay các bên liên quan**

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)

(i) Hợp đồng vay số 2612/GFC-HMH ngày 26/12/2022 với Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh. Số tiền gốc: 5.500.000.000 VND. Thời hạn vay: tối đa 1 năm từ ngày 29/12/2022. Lãi suất vay: 8%/năm, trên cơ sở 1 năm có 360 ngày. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Hợp đồng vay số 2612/GFAHMH ngày 26/12/2022 với Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh. Số tiền gốc: 4.500.000.000 VND. Thời hạn vay: tối đa 1 năm từ ngày 27/12/2022. Lãi suất vay: 8%/năm, trên cơ sở 1 năm có 360 ngày. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**5.18 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.614.442.869	94.333.762.532	234.446.070.972
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	5.720.623.571	5.720.623.571
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(2.514.454.848)	(2.514.454.848)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(38.542.941.000)	(38.542.941.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.614.442.869	58.996.990.255	199.109.298.695
Số dư tại ngày 01/01/2023	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.614.442.869	58.996.990.255	199.109.298.695
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	1.215.265.792	1.215.265.792
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	-	(294.291.093)	(294.291.093)
Số dư tại ngày 30/6/2023	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.614.442.869	59.917.964.954	200.030.273.394

Đơn vị tính: VND

(i) Công ty trích lập các quỹ theo kết quả phân phối lợi nhuận năm 2022 được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023, trong đó:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với 196.194.062 VND;
- Trích lập quỹ khen thưởng hoạt động của hội đồng quản trị: 5% lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với 98.097.031 VND.

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/6/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	1.428.800	10,82%	1.428.800	10,82%
Ông Trần Quang Tiến	1.388.505	10,52%	1.388.505	10,52%
Ông Vũ Đức Tuấn	1.000.000	7,58%	1.000.000	7,58%
Các cổ đông khác	9.382.542	71,08%	9.382.542	71,08%
<b>Tổng</b>	<b>13.199.847</b>	<b>100,00%</b>	<b>13.199.847</b>	<b>100,00%</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	131.998.470.000	131.998.470.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	131.998.470.000	131.998.470.000
Cổ tức đã chia	-	38.542.941.000

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	13.200.000	13.200.000
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	13.199.847	13.199.847
Cổ phiếu phổ thông	13.199.847	13.199.847
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	352.200	352.200
Cổ phiếu phổ thông	352.200	352.200
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	12.847.647	12.847.647
Cổ phiếu phổ thông	12.847.647	12.847.647
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.614.442.869	6.614.442.869

**5.19 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ**

**a. Ngoại tệ các loại**

	30/6/2023		01/01/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đồng Đô La Mỹ (USD)	81,21	1.921.916	96,70	2.267.615

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	3.191.209.409	6.762.386.988
Doanh thu đại lý dầu (hàng hóa)	-	989.584.490
Doanh thu dịch vụ đại lý container	3.635.570.391	6.659.507.002
Doanh thu cho thuê văn phòng (i)	1.141.954.567	967.966.155
Doanh thu khác	338.553.585	-
<b>Tổng</b>	<b>8.307.287.952</b>	<b>15.379.444.635</b>

(i) Trong đó, doanh thu liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ là 55.000.001 VND.

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	3.815.413.790	6.943.128.921
Giá vốn đại lý dầu (hàng hóa)	-	996.214.227
Giá vốn dịch vụ đại lý container	2.058.896.386	2.653.446.264
Giá vốn cho thuê văn phòng	408.133.186	376.061.617
Giá vốn dịch vụ khác	323.420.423	-
<b>Tổng</b>	<b>6.605.863.785</b>	<b>10.968.851.029</b>

(i) Trong đó, giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ là 12.960.043 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	107.539.642	1.462.161.081
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	537.043.000
Cổ tức được chia từ kinh doanh chứng khoán và công ty con	3.326.400.000	67.116.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	113.819.592	95.001.676
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	782.904.451
<b>Tổng</b>	<b>3.547.759.234</b>	<b>2.944.226.208</b>

*Trong đó:*

*Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan*

*(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)*

3.326.400.000

-

**6.4 Chi phí tài chính**

	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	428.000.000	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗ kinh doanh chứng khoán	-	114.633.267
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	43.596.038	86.421.586
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và đầu tư và Phí bảo lãnh tín dụng	1.940.746.257	2.253.589.135
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	2.219.651	-
<b>Tổng</b>	<b>2.414.561.946</b>	<b>2.454.643.988</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1.396.586.760</b>	<b>1.673.433.197</b>
Chi phí nhân viên quản lý	860.825.623	740.299.738
Chi phí vật liệu quản lý	27.842.570	61.902.736
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.627.149	34.103.907
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.785.134	84.925.536
Thuế phí và lệ phí	47.051.337	23.677.468
Chi phí dịch vụ mua ngoài	361.742.971	369.964.100
Chi phí bằng tiền khác	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	49.711.976	358.559.712
<b>Tổng</b>	<b>1.396.586.760</b>	<b>1.673.433.197</b>

**6.6**

**6.6 Lợi nhuận khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	51.725.915	-
Các khoản khác	-	13.222.103
<b>Tổng</b>	<b>51.725.915</b>	<b>13.222.103</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	274.494.818	74.923.483
<b>Tổng</b>	<b>274.494.818</b>	<b>74.923.483</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(222.768.903)</b>	<b>(61.701.380)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.215.265.792</b>	<b>3.165.041.249</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	194.363.636	-
<i>Chi phí không được trừ</i>	194.363.636	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(3.326.400.000)	(92.116.000)
<i>Cổ tức</i>	(3.326.400.000)	(67.116.000)
<i>Các khoản khác</i>	-	(25.000.000)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(1.916.770.572)</b>	<b>3.072.925.249</b>
<i>Lỗ được kết chuyển</i>	-	-
<b>Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(1.916.770.572)</b>	<b>3.072.925.249</b>
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	614.585.050
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	84.643.027
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>699.228.077</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.245.650.018	2.599.407.663
Chi phí nhân công	3.167.260.404	3.587.296.790
Chi phí khấu hao tài sản cố định	940.960.044	1.339.587.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.283.733.278	4.323.362.988
Chi phí khác bằng tiền	364.846.801	79.262.970
<b>Tổng</b>	<b>8.002.450.545</b>	<b>11.928.917.926</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về vụ kiện**

Ngày 01/02/2023, Công ty nộp đơn khởi kiện Ông Trần Minh Thắng tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre liên quan đến một số khoản công nợ phải thu khó đòi của Công ty Cổ phần Hải Minh do Ông Trần Minh Thắng quản lý. Ngày 03/02/2023, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã thụ lý vụ án dân sự số 42/TB-TLVA về việc “tranh chấp Hợp đồng dân sự”. Tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, vụ kiện đang được thụ lý bởi Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm. Đồng thời, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ các khoản nợ phải thu khách hàng và phải thu khác do Ông Trần Minh Thắng quản lý với giá trị tại ngày 30/6/2023 là 455.431.537 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**7.2 Cam kết cho thuê hoạt động**

Tại ngày 30/6/2023, Công ty cho thuê các bất động sản bao gồm mặt bằng sàn văn phòng và các căn hộ chung cư thông qua các hợp đồng cho thuê hoạt động có liên quan. Tổng giá trị các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang mà Công ty dự kiến được nhận theo các thời hạn:

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Năm thứ nhất	2.777.715.680	1.663.617.164
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.195.138.880	2.904.963.200
<b>Tổng</b>	<b>5.972.854.560</b>	<b>4.568.580.364</b>

**7.3 Thông tin về thay đổi trụ sở Công ty**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023 của Công ty Cổ phần Hải Minh, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch thay đổi trụ sở chính của Công ty như sau:

- Thay đổi trụ sở chính của Công ty Cổ phần Hải Minh từ Tp. Hồ Chí Minh ra Tp. Hải Phòng;
- Thành lập Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh hoặc đơn vị tương đương để đảm bảo hoạt động của Công ty tại địa bàn Tp. Hồ Chí Minh.

Tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, các công việc về thay đổi trụ sở nêu trên đang được tiến hành.

**7.4 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch trong kỳ:

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con
2	Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Công ty liên kết
5	Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
6	Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty
7	Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

**Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	36.000.000	-
Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 25/4/2022)	-	183.200.000
Ông Trần Đức Trung	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	36.000.000	-
Ông Trần Đoàn Viện	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	36.000.000	-
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	36.000.000	-
Ông Vũ Đức Tuấn	Thành viên HĐQT (từ ngày 25/4/2022)	36.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Hà	Thành viên HĐQT (đến ngày 25/4/2022)	-	-
Ông Nguyễn Thế Quân	Thành viên HĐQT (đến ngày 25/4/2022)	-	-
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên HĐQT (đến ngày 25/4/2022)	-	-

**Thù lao của từng thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
		VND	VND
Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy	Trưởng ban (đến ngày 24/10/2022)	-	-
Ông Khuru Hoàng Nam	Thành viên (từ ngày 25/4/2022)	24.000.000	-
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Thành viên (từ ngày 25/4/2022)	24.000.000	-
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên (đến ngày 25/4/2022)	24.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
 Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc	kết thúc
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Đặng Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc (từ ngày 01/5/2022)	226.306.000	182.966.667
Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc (đến ngày 01/5/2022)	-	143.333.332
Ông Trần Đoàn Viện	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Trần Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**  
Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
			VND	VND
<b>Mua hàng</b>				
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con	Chi phí dịch vụ	-	62.538.806
<b>Thu nhập khác</b>				
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con	Thanh lý tài sản cố định	1.031.000.000	-
			1.031.000.000	-
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>				
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con	Lợi nhuận được chia	3.326.400.000	-
			3.326.400.000	-
<b>Cổ tức</b>				
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Cổ tức đã chia	-	19.123.170.000
Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	Cổ tức đã chia	-	7.286.400.000
Ông Phùng Văn Quang	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	4.165.515.000
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	1.013.712.000
Ông Trần Đoàn Viện	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	306.210.000
Ông Vũ Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	215.424.000
Ông Nguyễn Thế Quân	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	3.000.000.000
Ông Đặng Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc	Cổ tức đã chia	-	1.580.154.000
Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc	Cổ tức đã chia	-	91.140.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát	Cổ tức đã chia	-	450.285.000
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên Ban Kiểm soát	Cổ tức đã chia	-	772.605.000
Bà Vũ Thị Ngọc Ánh	Các nhân có liên quan đến người quản lý chủ chốt	Cổ tức đã chia	-	211.425.000
			-	30.300.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**  
 Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
 Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
 - Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022	VND	VND
<b><u>Giao dịch khác</u></b>						
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con	Chi thường và các khoản phúc lợi	93.000.000	374.500.000		
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con	Chi thường và các khoản phúc lợi Nhờ chi hệ cổ tức	32.000.000	201.500.000		
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con	Chi thường và các khoản phúc lợi	33.500.000	1.094.023.100		188.500.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2023		01/01/2023	
			VND	VND	VND	VND
<b><u>Phải thu khác ngắn hạn</u></b> Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con	Phải thu lợi nhuận được chia	3.326.400.000	-	-	-
<b><u>Chi phí phải trả ngắn hạn</u></b> Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty	Lãi vay phải trả	410.888.890	16.897.223	16.897.223	16.897.223
<b><u>Vay và nợ thuế tài chính</u></b> Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Nợ gốc của khoản vay ngắn hạn	10.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty	Nợ gốc của khoản vay ngắn hạn	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
<b><u>Phải trả khác ngắn hạn</u></b> Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con	Phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	312.500.000	838.808.550	838.808.550	838.808.550
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con	Phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	93.000.000	439.310.750	439.310.750	439.310.750
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con	Phải trả khoản phúc lợi cho nhân viên	210.500.000	177.000.000	177.000.000	177.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**7.5 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan, ngoại trừ thông tin thuyết minh được trình bày lại như đề cập dưới đây, là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Công ty đã trình bày lại Thuyết minh về khoản mục Trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31/12/2022 do phát hiện sai sót về tên đối tượng như sau:

**Thuyết minh số 5.4 - Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	01/01/2023 (Số đã báo cáo) VND	01/01/2023 (Số trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh	27.557.419.576	20.009.363.617	7.548.055.959
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa ốc	-	7.548.055.959	(7.548.055.959)
<b>Tổng</b>	<b>27.557.419.576</b>	<b>27.557.419.576</b>	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu



Đào Thế Hưng

Kế toán trưởng



Đào Thế Hưng

Tổng Giám đốc



Đặng Ngọc Hùng